TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2021/HS-ST
Ngày 25 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Cao Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trần Tiến và ông Nguyễn Tấn Ngợi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Kiều Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:*** Ông Đàm Như Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Phúc T**, sinh ngày 16/02/1986;

ĐKHKTT: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông Trương Tài P, sinh năm 1944 và bà Triệu Thị B, sinh năm 1944;

Vợ: Thào Thị K, sinh năm 1983;

Con: Có 01 con, sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện L, *có mặt*.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lại Khoa Lâm, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Tình, chức vụ: Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tề Minh Giáp, chức vụ: Phó Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Lâm Bình, *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Ma Công D, sinh năm 1981, *có mặt*.

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Ma Bá D, sinh năm 1980, *vắng mặt*;

Anh Triệu Minh T, sinh năm 1977, *có mặt*;

Anh Trương Tài V, sinh năm 1984, *có mặt*;

Anh La Văn T, sinh năm 1991, *có mặt*;

Anh Triệu Văn T, sinh năm 1987, *có mặt*;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Ma Văn T, sinh năm 1970, *có mặt*.

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Giàng A B, sinh năm 1986, *có mặt*;

Anh Cháng A H, sinh năm 1980, *vắng mặt*;

Anh Giàng A V, sinh năm 1973, *vắng mặt*;

Anh Cháng A V, sinh năm 1991, *vắng mặt*;

Anh Cháng A C, sinh năm 1988, *vắng mặt*;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Người làm chứng:

Anh Ma Công D, sinh năm 1989, *vắng mặt*;

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Ông Quan Văn H, sinh năm 1961, *vắng mặt*;

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 02/2016, Trương Phúc T, trú tại thôn N, xã B, huyện L; Triệu Minh T, sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã B; Ma Công D, sinh năm 1981, trú tại thôn P, xã B và Ma Văn T, sinh năm 1970, trú tại thôn C, xã B cùng nhau ăn cơm, uống rượu tại nhà Ma Ba D (tên gọi khác Ma Bá D), sinh năm 1980, trú cùng thôn với T. Trong lúc ăn cơm mọi người (không xác định được ai là người nói trước) cùng rủ nhau lên rừng phòng hộ S, xã P, huyện L khai thác gỗ nghiến và sơ chế thành dạng thớt bán lấy tiền, thì mọi người đồng ý và thống nhất ai có công cụ dùng để khai thác gỗ thì mang đi, D và D nói có máy cưa nên tự nhận đem đi. Sau khi bàn bạc và lấy số điện thoại của nhau, mọi người thống nhất ăn rằm tháng riêng xong thì đi.

Ngày 09/3/2016, các đối tượng gọi điện hẹn nhau sáng ngày 10/3/2016 tập trung tại bến thuyền thôn K, xã L, huyện L để cùng đi. Sau đó D gọi điện thoại cho Ma Công D sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã B, huyện L hỏi thuê thuyền, D

đồng ý và gọi điện cho Ma Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã B, huyện L đem thuyền ra bến giao cho D.

Ngày 10/3/2016 T đem theo thịt, gạo và 10 lít xăng; D mang theo 01 máy cưa, gạo, 01 mảnh bạt màu xanh, 01 con dao tư; T mang theo 01 con dao nhọn, gạo; D mang theo 01 máy cưa, 01 con dao tư, gạo; T đem theo 01 con dao tư, 01 can nhựa đựng dầu nhớt, 01 lọ dầu 2T, gạo.

Khi D, D, T, T, T đến bến thuyền thì Trí đưa cho T 500.000đ tiền thuê thuyền và 100.000đ cho ông Quan Văn H, sinh năm 1961, trú tại thôn N, xã L, huyện L là người trông thuyền, sau đó T điều khiển thuyền chở mọi người đi. Khoảng 12 giờ cùng ngày thì cả nhóm đến nhà bè của Giàng A B, sinh năm 1986, trú tại thôn N, xã B, huyện L, do quen biết từ trước nên T và D rủ B cùng tham gia, B hỏi địa điểm khai thác gỗ, D chỉ tay lên khu vực rừng phòng hộ S, B đồng ý. Sau đó mọi người cùng bàn bạc thống nhất D, D, T, T, T sẽ tìm gỗ để khai thác, còn B làm nhiệm vụ canh gác.

Sau khi thống nhất xong, B lấy thêm thuyền (không có động cơ) của mình buộc vào thuyền Trí và chia nhau ngồi lên hai thuyền. Trong lúc chuẩn bị đi do có nhiều dụng cụ nặng nên máy cưa của D để tại nhà bè B, chỉ mang theo 01 máy cưa của D. Khi đến chân núi khu rừng S mọi người xuống thuyền còn B quay lại nhà bè, tiếp đó mọi người đi bộ khoảng hai tiếng đồng hồ, đến khi trời tối thì ngủ qua đêm tại một lán cũ bỏ hoang. Sáng ngày 11/3/2016 tất cả cùng dậy nấu cơm, ăn xong thì D, D, T đi tìm gỗ, khi đi cách lán khoảng 400m thì thấy một cây gỗ nghiến có thể khai thác được. Lúc này Bê đến nơi cùng mọi người dựng lán gần đó để tiện cho việc khai thác, dựng lán xong B xuống bờ hồ canh gác, còn T, T, T chuyển đồ đến lán mới và nấu cơm, D và D sử dụng cưa xăng thay nhau cắt đến chiều tối cùng ngày nhưng cây vẫn chưa đổ. Sáng ngày 12/3/2016 D, D, T, T, T cùng nhau đẽo nêm để đóng vào vết cắt, khoảng 09 giờ cùng ngày cây gỗ nghiến đổ. D, D tiếp tục thay nhau dùng cưa cắt cây thành từng đoạn dầy khoảng 07cm đến 10cm, đường kính khoảng 35cm đến 40cm, còn T, T và T dùng dao đẽo gọt thành dạng thớt tròn. Khoảng 14 giờ cùng ngày thì máy cưa bị hỏng, D đem máy xuống bờ hồ cất giấu và đi nhờ thuyền của người dân đến nhà bè B lấy máy cưa của D lên để tiếp tục khai thác. Đến chiều ngày 13/3/2016 các đối tượng đã sơ chế được 32 cái thớt.

Trong quá trình các đối tượng khai thác gỗ, B liên lạc cho Cháng A V sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã B, huyện L để thuê vận chuyển thớt. Sau đó Cháng A Hê sinh năm 1980, Giàng A V, sinh năm 1973, Giàng A Ca sinh năm 1988 cùng trú tại thôn N, xã B; Trương Tài V sinh năm 1984, La Văn T sinh năm 1991, Triệu Văn T sinh năm 1987, cùng trú tại thôn T, xã B, biết B đang tìm người vận chuyển thớt với giá 100.000đ/ 01 thớt nên rủ nhau cùng đi. B là người đến bến K, xã L, huyện L đón những người trên.

Khoảng 07 giờ ngày 14/3/2016 D, D tiếp tục tìm thấy cây nghiến thứ hai, cách vị trí cây nghiến thứ nhất khoảng 80m. D và D dùng cưa thay nhau cắt khoảng 01 giờ thì cây đổ, D kiểm tra thấy thân cây nghiến bị nứt không làm thớt được, nên mọi người không sơ chế và đi về lán dọn đồ về nhà. Trước khi về thấy

cưa máy của mình bị hỏng D tháo lam xích ra vứt đi và cất giấu phần thân máy vào hang đá. Trên đường xuống bờ hồ đến vị trí có sóng điện thoại D gọi điện cho Lâm Quang H sinh năm 1976, trú tại tổ 10, thị trấn N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang để trao đổi mua bán số thớt đã khai thác được, do bận H không đến được nên D đã cho T và B số điện thoại của H. Sau đó mọi người thống nhất T ở lại với B để bán thớt còn D, T, D, T đi về trước.

Ngày 15/3/2016, T cùng B đi thuyền ra khu vực bản E thuộc xã K, huyện L để tìm nơi có sóng điện thoại và T sử dụng điện thoại của B gọi điện cho H để bán thớt thì H đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày, H điều khiển thuyền máy đến gặp B, T và thống nhất giá mua bán là 150.000đ/ 01 thớt. Tổng số 32 chiếc x 150.000đ/chiếc = 4.800.000đ *(bốn triệu tám trăm nghìn đồng)* và H đã đưa tiền cho B. Sau khi H mua được thớt về đến bến N bán lại số thớt trên cho người có tên là T (không xác định được địa chỉ cụ thể) ở tỉnh Bắc Ninh được khoảng hơn 6.000.000đ. Số tiền 4.800.000đ do bán thớt mà có ngày 16/3/2016 T và B cùng thống nhất tính toán như sau: B cầm 1.600.000đ, trong đó trả tiền công vận chuyển thớt của B 400.000đ, Va 100.000đ, H 200.000đ, V 800.000đ và nhờ B trả cho Giàng A S sinh năm 1959 (bố đẻ của B) 100.000đ tiền Tình mua rượu trước đó khi còn ở nhà tại thôn N, xã B; T 230.000đ (trong đó có 100.000đ T đưa cho B để trả ông S); Số tiền còn lại 3.070.000đ khi về nhà T đưa cho D 350.000đ, D 420.000đ, T 700.000đ, T 600.000đ và trả tiền công gùi thớt cho Ca 600.000đ, V 200.000đ, T 100.000đ và T 100.000đ.

Ngày 02/4/2016, D một mình đến khu vực khai thác gỗ nghiến trước đó để lấy thân máy cưa xăng, thì bị tổ công tác của Hạt Kiểm Lâm huyện L phát hiện và D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình cùng đồng bọn về việc khai thác trái phép hai cây gỗ nghiến nêu trên.

Quá trình điều tra xác định 02 (hai) cây gỗ nghiến, nhóm IIA do Trương Phúc T cùng đồng phạm khai thác trái phép có tổng khối lượng là 44,102m^3. Vị trí khai thác thuộc lô 11, khoảnh 25a và lô 01 khoảnh 35 theo bản đồ phân ba loại rừng trong quyết định số 1859 (trước đây thuộc lô 01, khoảnh 35 theo bản đồ phân ba loại rừng trong quyết định số 1770), đối tượng rừng phòng hộ S, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Tại biên bản định giá tài sản và thông báo kết luận số 02/TBKL ngày 18/5/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L xác định giá trị tài sản thiệt hại 02 (hai) cây gỗ nghiến là: **468.695.000 đồng** *(Bốn trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*.

Đối với hành vi khai thác trái phép 02 cây gỗ nghiến của Ma Ba D (tên gọi khác Ma Bá D), Ma Công D, Ma Văn T, Triệu Minh T và Giàng A B đã được điều tra, truy tố và xét xử tại bản án số 10/2017/HSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L. Các đối tượng khác do hành vi không cấu thành tội phạm nên Công an huyện L đã chuyển hồ sơ đến Hạt kiểm lâm huyện L xử lý theo thẩm quyền.

Đối với Trương Phúc T sau khi gây án đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã khởi tố bị can và ban hành Quyết định truy nã số 01 ngày

20/12/2016 và ra quyết định tách vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Trương Phúc T. Đến ngày 02/11/2020 Tình bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm B bắt giữ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, Trương Phúc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị can còn được chứng minh bằng biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định vị trí đã khai thác gỗ, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 02/QĐ-VKSLB ngày 28/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Trương Phúc T để xét xử về tội *"Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*" theo khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2009*).

Tại phần luận tội Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo Trương Phúc T phạm tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng. Về hình phạt chính đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trương Phúc T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn từ tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/11/2020. Về hình phạt bổ sung không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho các anh Ma Công D số tiền 4.961.247đ, Ma Văn T số tiền 4.961.247đ, Giàng A B số tiền 4.961.247đ.

Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 230.000đ của Trương Phúc T do phạm tội mà có.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Trợ giúp viên pháp lý Lại Khoa Lâm trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2009*), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Trương Phúc T, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với nội dung bào chữa của người bào chữa và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Do quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã trùng với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra, nên không có ý kiến tranh luận đối đáp.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản hiện trường, biên bản xác định vị trí đã khai thác gỗ, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để kết luận trong khoảng thời gian từ ngày 10/3/2016 đến ngày 14/3/2016, Trương Phúc T cùng các đối tượng Ma Ba D, Ma Công D, Ma Văn T, Triệu Minh T, Giàng A B đã có hành vi khai thác trái phép 02 (hai) cây gỗ nghiến, nhóm IIA. Vị trí khai thác thuộc lô 11, khoảnh 25a và lô 01 khoảnh 35 theo bản đồ phân ba loại rừng trong quyết định số 1859 (trước đây thuộc lô 01, khoảnh 35 theo bản đồ phân ba loại rừng trong quyết định số 1770), đối tượng rừng phòng hộ S, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Tổng khối lượng là 44,102m^3, giá trị tài sản thiệt hại 02 (hai) cây gỗ nghiến là 468.695.000đ *(Bốn trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).*

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính Phủ quy định mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai thác trái phép gỗ nhóm IIA ở rừng phòng hộ là 10m^3; điểm a, tiểu mục 1.6, mục 1 phần IV Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Nông nghiệp, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo Trương Phúc T phạm tội thuộc trường hợp*"gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng"*. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình truy tố bị cáo về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã làm ảnh hưởng trực tiếp mội trường sinh sống của các loài động, thực vật, gây mất cân bằng tới hệ sinh thái khí quyển, kiệt quệ nguồn tài nguyên

lâm sản, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây mất ổn định an ninh chính trị tại địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy vai trò của bị cáo trong vụ án này là đồng phạm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không phải là người chủ mưu khởi sướng, nhưng bị cáo có nhiều hành vi giúp sức tích cực như rủ Giàng A B tham gia cùng, đẽo nêm chêm vào cây, canh gác, đẽo thớt, cùng Giàng A B giao dịch bán thớt, chia tiền sau khi bán thớt, ngoài ra sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xử lý tội phạm. Căn cứ vào tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết của vụ án, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm minh trước pháp luật là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại Bản án số 10/2017/HSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình buộc Ma Ba D, Ma Công D, Triệu Minh T, Ma Văn T, Giàng A B phải bồi thường thiệt hại số tiền 148.837.400 đồng cho Nhà nước do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L làm đại diện, trong đó mỗi người phải bồi thường số tiền 29.767.480 đồng. Quá trình điều tra Ma Công D, Ma Văn T, Giàng A B yêu cầu bị cáo Trương Phúc T có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại và chia tổng số tiền bồi thường 148.837.400đ cho 06 người được mỗi người là 24.806.233đ, nên số tiền tính ra bị cáo phải trả lại cho D, D, T, T, B là 24.806.233đ được chia 5 người là 4.961.247đ, tuy nhiên Ma Ba D, Triệu Minh T không có yêu cầu đề nghị bị cáo phải trả. Tại phiên tòa hôm nay D, T, B tiếp tục yêu cầu bị cáo trả lại cho mỗi người là 4.961.247đ (tổng 03 người là 14.883.741đ) phần họ đã bồi thường trước đó, bị cáo nhất trí hoàn trả lại theo yêu cầu trên. Xét thấy yêu cầu của D, T, B là có căn cứ và sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không bị ép buộc, không trái pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên.

[5] Đối với hành vi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được giải quyết xong tại bản án số 10/2017/HSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, do vậy không đề cập xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết tại Bản án số 10/2017/HSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, do vậy không đề nghị xem xét giải quyết. Bị cáo T khai nhận khi đi khai thác đã sử dụng công cụ phương tiện gồm: 01 xe mô tô loại xe Win đã cũ; 01 con dao tư; 01 gùi tự chế; 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, màn hình cảm ứng. Sau khi khai thác về thì số vật chứng trên hỏng đã bán và thất lạc không còn. Đối với 01 điện thoại di

động nhãn hiệu oppo, màn hình cảm ứng, vỏ màu hồng, có ốp nhựa màu trắng đen của Trương Phúc T, đã bị tạm giữ trong quá trình bắt người đang bị truy nã. Quá trình điều tra xác định điện thoại trên không phải là vật chứng của vụ án, ngày 03/11/2020 đã trả lại cho chị Thào Thị K, sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã B, huyện L (là vợ T theo giấy ủy quyền lập ngày 03/11/2020). Đối với số tiền 230.000đ của Trương Phúc T do phạm tội mà có T đã chi tiêu cá nhân hết, nhưng cần phải truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2009*); Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tuyên bố: Bị cáo Trương Phúc T phạm tội "*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng"*.

- Xử phạt: Bị cáo Trương Phúc T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/11/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 230.000đ *(hai trăm ba mươi nghìn đồng)* của bị cáo do phạm tội mà có.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587, 579 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo Trương Phúc T có trách nhiệm hoàn trả cho anh Ma Công D, trú tại thôn P, xã B, huyện L số tiền 4.961.247đ; anh Ma Văn T trú tại thôn C, xã B, huyện L số tiền 4.961.247đ; anh Giàng A B, trú tại thôn N, xã B, huyện L số tiền 4.961.247đ.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/3/2021; nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- UBND xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trần Tiến - Nguyễn Tấn Ngợi **Hoàng Cao Tiến**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Tiến Nhị **Đinh Thị Chính** **Hoàng Cao Tiến**